

Bài 1: điền từ thích hợp vào chỗ trống



p _ _ a _ _ _



o _ _ _ _



_ _ o _ _



_ _ u _ _



s t o n e



_ _ t _ _



c _ _ _ t _ _



_ _ s _ _ e _ _

Bài 2: Nhìn và hoàn thiện các câu trả lời, lưu ý đến số nhiều của danh từ

Look and complete the answers.



- 1 What are these?
They're sausages.
- 2 What are these?
They're _____.
- 3 What are these?
They're _____.
- 4 What are these?
They're _____.

Bài 3: Chọn đáp án đúng

10. Nhiều lựa chọn



Q. Garfield _____ a lot of food.

answer choices

- ☐ drinks ☐ eats
- ☐ doesn't eat ☐ doesn't drink

☒ 20. Nhiều lựa chọn

Q. Jane _____ everytime she _____ "Titanic".

answer choices

☐ cries - watches

☐ cries - cooks

☐ jumps - watches

☐ watches - cries

☒ 19. Nhiều lựa chọn

Q. He _____ his car everyday from his office to our home.

answer choices

☐ drives

☐ listens

☐ works

☐ talks

☒ 16. Nhiều lựa chọn



Q. He _____ the homework at nine five.

answer choices

☐ does

☐ do

☐ have

☐ check

☒ 15. Nhiều lựa chọn

Q. Kitty _____ bad food.

answer choices

☐ eat

☐ don't eat

☐ like to eat

☐ doesn't eat

☒ 14. Nhiều lựa chọn

Q. My brothers _____ video games all afternoon.

answer choices

☐ play

☐ plays

☐ have

☐ has